

Bản án số: 13/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 26-01-2022

*V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nhân

2. Bà Quách Thị Thu Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13A/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12A/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh K; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:* Chị và anh Nguyễn Văn L tổ chức lễ cưới năm 2007, có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do anh L đang quản lý. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì bất đồng quan điểm, không ôn hoà được với nhau, thường xuyên mâu thuẫn do anh L ghen vô cớ và thường uống rượu về chửi mắng chị, anh L có hứa sửa đổi nhiều lần nhưng không sửa. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2019 cho đến nay, nay chị xét thấy không thể tiếp tục chung sống được nên chị xin ly hôn. Về con chung: có 1

người con chung là Nguyễn Nguyệt L, sinh ngày 29/10/2008, hiện đang sống chung với chị, chị xin nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:* Anh và chị M kết hôn năm 2007, có giấy đăng ký kết hôn nhưng hiện nay đã lạc mất, quá trình chung sống vợ chồng đôi khi cũng có mâu thuẫn do anh có ghen, khi uống rượu về cũng có chửi vợ, có làm cam kết để sửa đổi. Vợ anh bỏ nhà đi từ tháng 6/2019 cho đến nay. Nay anh còn thương vợ nên xin hàn gắn. Về con chung: có 1 người con chung là Nguyễn Nguyệt L, sinh ngày 29/10/2008, hiện đang sống chung với anh L, nếu trường hợp chị M cương quyết ly hôn thì anh thống nhất giao con cho chị nuôi, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:* Về thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX không công nhận là vợ chồng giữa chị M và anh L do anh chị không cung cấp được giấy chứng nhận đăng ký kết hôn và cơ quan có thẩm quyền đăng ký xác nhận anh chị không có đăng ký kết hôn; Về con chung: cháu Nguyệt L có nguyện vọng được sống với chị M, chị M có điều kiện nuôi con, anh L thống nhất giao con cho chị M nuôi. Vì vậy, đề nghị HĐXX giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chị M không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] *Xét về quan hệ hôn nhân:* Chị M và anh L đều trình bày anh chị có giấy đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Bình Nam cấp vào năm 2008 nhưng nay bị thất lạc, không cung cấp được. Qua xác minh cơ quan đăng ký cấp giấy chứng nhận xác nhận không có việc anh chị đăng ký kết hôn năm 2008 như đã trình bày. Anh chị cũng không chứng minh được có việc đã đi đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vì vậy, HĐXX xác định anh chị sống chung như vợ chồng nhưng không có giấy đăng ký kết hôn theo quy định. Xét thấy, chị M và anh L có đủ các điều kiện kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định khi chung sống như vợ chồng vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết hôn nhân của anh chị. Chị M và anh L

không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó pháp luật không công nhận chị M và anh L là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Anh chị có con chung là cháu Nguyễn Nguyệt L, sinh ngày 29/10/2008, hiện đang sống chung với chị M, cuộc sống được đảm bảo. Cháu L có nguyện vọng được sống với mẹ. Vì vậy, xét về lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho cháu nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu L cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

Anh L có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu nên không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Không có.

[6] *Về án phí xin ly hôn*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số 0003540 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9, Điều 11, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn L.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nguyệt L, sinh ngày 29/10/2008 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng (cháu L hiện đang sống chung với chị M).

Anh L có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

3- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

4- Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng số

0003540 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Minh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kiều Diễm**